



Original Article

UNCLOS 30 Years' Implementation: The role of the Constitution for the Oceans in Responding to Climate Change and Vietnam's Actions

Nguyen Thi Kim Cuc^{1,*}, Nguyen Thanh Long²

¹ Ho Chi Minh City University of Law, No. 2 Nguyen Tat Thanh, Xom Chieu, Ho Chi Minh City, Vietnam

² Faculty of Law, University of Pécs, Hungary

Received 25th March 2025

Revised 18th November 2025; Accepted 20th March 2026

Abstract: Considered the Constitution for the Oceans, the 1982 United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS 1982) is a multilateral international treaty that covers the most important legal issues related to seas and oceans. Since its entry into force on 16 November 1994, UNCLOS 1982 has demonstrated its importance in many aspects, contributing to peace and stability at sea. Meanwhile, climate change is a global environmental challenge that directly affects human health and life. Addressing climate change is a shared responsibility of the international community, requiring states, including Vietnam, to be proactive in enacting and effectively implementing relevant legal regulations. In this context, this article aims to study and evaluate the role of UNCLOS 1982 in the global fight against climate change. Using analytical and comparative methods, the article first provides an overview of UNCLOS 1982 and climate change, and explores their interrelationships. It then analyses specific provisions of UNCLOS 1982 on climate change to assess Vietnam's capacity to respond to climate change. Finally, the article reviews and discusses the current provisions of Vietnamese law on climate change and analyses their relationship with UNCLOS 1982. In particular, the article evaluates the role of the International Tribunal for the Law of the Sea (ITLOS) in addressing climate change by examining its Advisory Opinion dated May 21, 2024. Based on the analysis, the article proposes some recommendations to enhance Vietnam's proactive engagement in the global response to climate change.

Keywords: UNCLOS 1982, climate change, Vietnam, law of the sea, ITLOS.

* Corresponding author.

E-mail address: ntkcuc@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4761>

30 năm UNCLOS 1982: Vai trò của bản Hiến pháp đại dương trong ứng phó biến đổi khí hậu và hành động của Việt Nam

Nguyễn Thị Kim Cúc^{1,*}, Nguyễn Thành Long²

¹Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Số 2 Nguyễn Tất Thành, Xóm Chiếu, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

²Khoa Luật, Đại học Pécs, Hungary

Nhận ngày 25 tháng 03 năm 2025

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 11 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2026

Tóm tắt: Được coi là bản Hiến pháp của đại dương, Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 1982) là một điều ước quốc tế đa phương liên quan đến toàn bộ các vấn đề pháp lý quan trọng nhất có liên quan đến biển và đại dương. Từ khi có hiệu lực từ ngày 16/11/1994 đến nay, UNCLOS 1982 luôn thể hiện vai trò quan trọng mang tính nền tảng trong nhiều khía cạnh, thúc đẩy hòa bình và ổn định trên biển. Trong khi đó, biến đổi khí hậu đang là một vấn đề môi trường toàn cầu ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và cuộc sống của con người. Ứng phó với biến đổi khí hậu là trách nhiệm của toàn nhân loại và để chiến thắng trong cuộc chiến với biến đổi khí hậu, các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam, cần tích cực chủ động trong việc ban hành và thực thi có hiệu quả các quy định pháp luật có liên quan. Trước thực trạng này, bài viết nghiên cứu và đánh giá vai trò của UNCLOS 1982 trong cuộc chiến toàn cầu chống biến đổi khí hậu. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích logic và so sánh, bài viết sẽ bao gồm ba phần thảo luận chính, gồm i) trình bày tổng quan về UNCLOS 1982, vấn đề biến đổi khí hậu và mối quan hệ giữa UNCLOS 1982 và biến đổi khí hậu; trên cơ sở này, ii) các quy định cụ thể của UNCLOS 1982 về biến đổi khí hậu sẽ được tổng hợp và phân tích; từ đó, để đánh giá khả năng ứng phó đối với biến đổi khí hậu của Việt Nam, iii) các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về biến đổi khí hậu, mối quan hệ giữa UNCLOS 1982 và các quy định này sẽ được trình bày và thảo luận. Đặc biệt, khi nghiên cứu các quy định cụ thể của UNCLOS 1982 về biến đổi khí hậu, bài viết sẽ tập trung đánh giá vai trò của Tòa án quốc tế về Luật biển (ITLOS) trong việc ngăn chặn và giảm thiểu biến đổi khí hậu thông qua việc nghiên cứu Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 của ITLOS. Trên cơ sở các nghiên cứu, phân tích và đánh giá trên, bài viết sẽ đề xuất một số kiến nghị để Việt Nam chủ động hơn trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu.

Từ khóa: UNCLOS 1982, biến đổi khí hậu, Việt Nam, luật biển, ITLOS.

1. Đặt vấn đề

Là cội nguồn của sự sống trên trái đất, biển đóng vai trò thiết yếu đối với sự sống của con người. Được coi là bản Hiến pháp của đại dương, Công ước của Liên Hợp quốc về Luật biển năm 1982 (UNCLOS 1982) là cơ sở pháp lý đặc biệt

quan trọng trong việc duy trì hòa bình, ổn định, hợp tác quốc tế và phát triển bền vững của các quốc gia về các vấn đề biển và đại dương [1]. Hơn 30 năm qua kể từ khi có hiệu lực vào năm 1994, UNCLOS 1982 đã, đang và vẫn tiếp tục chứng tỏ vai trò không thể thay thế trong việc giải quyết các vấn đề và tranh chấp trên biển, là

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ntkcuc@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4761>

nền tảng vững chắc để tiếp tục phát triển các khuôn khổ pháp lý quốc tế khác nhằm giải quyết các thách thức đang nổi lên [2], trong đó có biến đổi khí hậu. Hiện nay, biến đổi khí hậu được đánh giá là một trong những vấn đề cấp bách toàn cầu khi nó đang làm thay đổi toàn diện và sâu sắc quá trình phát triển và an ninh toàn cầu, tác động nghiêm trọng đến môi trường và các hệ sinh thái, đến đời sống và sản xuất của con người [3]. Do đó, ứng phó với biến đổi khí hậu là yêu cầu cấp thiết đối với mỗi quốc gia, trong đó có Việt Nam, để phát triển bền vững.

Một phát triển pháp lý gần đây đã chứng tỏ vai trò quan trọng của UNCLOS 1982 trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Cụ thể, ngày 21/05/2024 vừa qua, Tòa án quốc tế về Luật biển (ITLOS) đã đưa ra Ý kiến tư vấn về một số nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, ITLOS đã xác định rằng khí thải nhà kính do con người gây ra được xem là một dạng ô nhiễm môi trường biển, từ đó đặt ra một số nghĩa vụ pháp lý cơ bản cho các quốc gia thành viên của UNCLOS 1982, từ bảo vệ và gìn giữ môi trường biển đến ngăn chặn, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm biển và ô nhiễm xuyên biên giới.

Bài viết có mục đích đánh giá vai trò của UNCLOS trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu. Sử dụng các phương pháp nghiên cứu như phân tích logic và so sánh, bài viết sẽ bao gồm ba phần thảo luận chính, trình bày tổng quan về UNCLOS 1982 và biến đổi khí hậu, các quy định cụ thể của UNCLOS 1982 về biến đổi khí hậu và những nỗ lực của Việt Nam trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu. Từ đó, bài viết đưa ra một số kiến nghị để Việt Nam chủ động hơn trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu toàn cầu.

2. Tổng quan về UNCLOS 1982 và biến đổi khí hậu

2.1. UNCLOS 1982

Được mở ký chính thức vào ngày 10/12/1982, UNCLOS 1982 là một điều ước quốc tế quan

trọng về luật biển trên phạm vi toàn cầu. Được coi là một trong những thành tựu lập pháp quan trọng nhất của pháp luật quốc tế [4], UNCLOS 1982 được biết đến với tên gọi “Hiến pháp của đại dương” [5]. UNCLOS 1982 đã tạo ra một khuôn khổ pháp lý toàn diện điều chỉnh các hoạt động quản trị đại dương thông qua việc xác định quyền và nghĩa vụ của các quốc gia thành viên đối với môi trường biển, nhằm thúc đẩy việc sử dụng biển một cách hòa bình, điều chỉnh việc sử dụng tài nguyên biển và thúc đẩy việc bảo tồn tài nguyên sinh vật và môi trường biển [6].

Là nền tảng cơ bản của pháp luật quốc tế về biển và đại dương, UNCLOS 1982 vừa hệ thống hóa các luật tập quán quốc tế vừa thiết lập nên luật pháp và thể chế mới cho đại dương. Theo đó, khi xem xét mối quan hệ giữa UNCLOS 1982 và luật tập quán quốc tế, John King Gamble và Maria Frankowska nhận thấy các luật tập quán quốc tế được thể hiện trong UNCLOS 1982 với các mức độ khác nhau [7]. Tương tự như vậy, Martin Lishexian Lee đã khẳng định, UNCLOS 1982 không chỉ “đại diện” cho các luật tập quán quốc tế ở phạm vi rộng mà còn tạo nên sự đổi mới trong quá trình phát triển luật tập quán quốc tế [8]. Thêm vào đó, với tư cách là một văn kiện pháp lý toàn diện, UNCLOS 1982 đã lần đầu xây dựng và hoàn thiện nhiều quy định về các vùng biển [9], cũng như thiết lập một cơ chế giải quyết hòa bình các tranh chấp phát sinh từ biển [10].

Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy còn nhiều vấn đề mà Công ước này chưa thể giải quyết được triệt để như các yêu sách chồng chéo trên biển và tranh chấp biên giới biển [11] hay việc đảm bảo nguyên tắc di sản chung của nhân loại [12]. Ngoài ra, các quy định hiện hành của UNCLOS 1982 khó có thể giải quyết được các đội tàu ma (dark ships) [13]. Thuật ngữ “tàu ma” thường được dùng để chỉ các tàu thuyền sử dụng chiến thuật ngụy trang để buôn lậu hàng hóa bị cấm. Trong bối cảnh các lệnh trừng phạt của phương Tây đối với hoạt động buôn bán dầu mỏ của Nga, có thể thấy sự gia tăng các đội tàu ma, đặc biệt là tại khu vực Đông Nam Á. Bên cạnh những vấn đề nêu trên, biến đổi khí hậu, cùng với bảo vệ đa dạng nguồn gen và bảo vệ di sản văn hóa dưới

nước, là những thách thức mới đặt ra cho luật biển hiện hành [14].

2.2. Biến đổi khí hậu

Biến đổi khí hậu là thách thức toàn cầu lớn nhất hiện nay [15]. Biến đổi khí hậu gây ảnh hưởng trực tiếp đến hệ sinh thái, tài nguyên, môi trường và cuộc sống của con người. Tại châu Âu, nhiều quốc gia đang đối mặt với tình trạng nắng nóng kỷ lục, kéo theo thảm họa cháy rừng [16]. Tại Hoa Kỳ, biến đổi khí hậu không những làm cho nhiều hiện tượng thiên tai trở nên tồi tệ hơn mà còn khiến chúng xảy ra ở những nơi hiếm thấy [16]. Ở châu Á, biến đổi khí hậu và hệ quả của nó đã khiến cuộc sống của người dân mất ổn định, thậm chí gây ảnh hưởng đến tính mạng con người [16]. Những thực trạng trên đã cho thấy, việc ứng phó với biến đổi khí hậu, hạn chế các tác động xấu của nó là trách nhiệm chung của toàn thế giới, đòi hỏi các quốc gia cần đoàn kết và tăng cường hợp tác để giải quyết vấn đề này.

Những nỗ lực để ứng phó với biến đổi khí hậu của cộng đồng quốc tế được ghi nhận từ những năm 70 của thế kỷ XX khi các nghiên cứu của Bộ Năng lượng Mỹ đã đưa ra những cảnh báo ban đầu về sự nóng lên của toàn cầu [17]. Tiếp đó, Hội nghị khí hậu thế giới lần đầu tiên diễn ra vào năm 1979 đã xem biến đổi khí hậu là vấn đề nghiêm trọng và kêu gọi các chính phủ cần có những hành động để ngăn chặn vấn đề này. Kết quả là, nhiều điều ước quốc tế về biến đổi khí hậu đã được xây dựng, thu hút sự tham gia của nhiều quốc gia trên thế giới, điển hình là Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (UNFCCC) năm 1992, Nghị định thư Kyoto về giảm phát thải khí nhà kính năm 1997, Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu năm 2015. Đặc biệt, Hiệp định Paris đặt mục tiêu kim hãm tăng nhiệt độ toàn cầu ở mức 1.5 đến 2 độ C [17]. Đồng thời, cứ 5 năm một lần, các quốc gia thành viên của Hiệp định phải tăng mức cam kết giảm phát thải khí [18]. Những cam kết trong Hiệp định này đã chứng tỏ quyết tâm của cộng đồng quốc tế hướng đến nỗ lực chung về cắt giảm khí thải - nguồn gốc của các thảm họa khí hậu, gây nên hiện tượng biến đổi khí hậu toàn cầu.

Là một trong mười quốc gia được đánh giá bị tổn thương lớn nhất do tác động của biến đổi khí hậu, Việt Nam đã và đang phải chịu nhiều thiệt hại do các hiện tượng thiên nhiên gây ra. Tác động của biến đổi khí hậu biểu hiện rõ nhất ở Việt Nam là hiện tượng nước biển dâng và xâm nhập mặn [19]. Ước tính, Việt Nam sẽ có thể bị mất 5% diện tích đất liền tại khu vực đồng bằng sông Cửu Long [16], kéo theo hệ quả khoảng 17.1 triệu người sẽ mất đi nơi sinh sống [18]. Khi nhiệt độ tăng lên 1.5 đến 2 độ C, thiệt hại trực tiếp đối với GDP của Việt Nam sẽ tương ứng là 4.5% và 6.7% [16]. Ngoài ra, nước biển dâng cũng dẫn tới sự sụt giảm diện tích trồng lúa gạo, khi hơn 50% diện tích trồng lúa tại một số địa phương của Việt Nam sẽ bị sụt giảm nếu mực nước biển dâng lên 60 cm [16]. Điều này sẽ đe dọa an ninh lương thực của Việt Nam, gây ảnh hưởng nghiêm trọng tới việc thực hiện mục tiêu xóa đói giảm nghèo và các mục tiêu phát triển bền vững của Việt Nam. Như vậy, biến đổi khí hậu thực sự là một thách thức to lớn mà Việt Nam đã và đang phải đối mặt, yêu cầu nước ta phải chủ động có những chính sách và chiến lược nhằm ứng phó hiệu quả với vấn đề toàn cầu này.

2.3. Mối quan hệ giữa UNCLOS 1982 và biến đổi khí hậu

Về cơ bản, UNCLOS 1982 không chứa đựng một quy định minh thị nào trực tiếp điều chỉnh vấn đề biến đổi khí hậu. Điều này là dễ hiểu khi tại thời điểm UNCLOS 1982 được thảo luận và xây dựng, biến đổi khí hậu không nằm trong các chương trình nghị sự quốc tế về môi trường, và do đó không được thảo luận tại Hội nghị Liên hợp quốc lần thứ ba về luật biển [20]. Ngoài ra, cho đến khi nhận thấy biến đổi khí hậu là một trong những vấn đề cần được thảo luận và tìm ra các biện pháp ứng phó, cộng đồng quốc tế vẫn cho rằng sẽ tốt hơn nếu có những điều ước và thỏa thuận quốc tế điều chỉnh trực tiếp vấn đề này. Minh chứng là việc một số điều ước quốc tế trực tiếp điều chỉnh các vấn đề có liên quan đến biến đổi khí hậu đã được thảo luận và đi đến ký kết, bắt đầu từ UNFCCC.

Tuy nhiên, trong những năm gần đây, khi thế giới chứng kiến nhiều hiện tượng tự nhiên bất thường và phải đối mặt với nhiều thách thức mới, UNCLOS 1982 bắt đầu thu hút sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách và các nhà hoạt động về biến đổi khí hậu do biến đổi khí hậu đã nổi lên như một vấn đề liên quan đến quản trị đại dương [20]. Và mặc dù được thiết kế chủ yếu để điều chỉnh các vấn đề về luật biển, có những điều khoản trong UNCLOS 1982 đã quy định về mọi hình thức ô nhiễm gây hại cho môi trường biển [21]. Điều này có nghĩa, nguyên nhân và tác động của biến đổi khí hậu đã được đề cập trong UNCLOS 1982. Hay nói cách khác, nếu UNCLOS 1982 không trực tiếp đề cập đến vấn đề khí hậu thì Công ước này vẫn có thể được sử dụng trong việc giải thích và áp dụng nhằm giải quyết các vấn đề có liên quan đến biến đổi khí hậu thông qua các điều khoản về bảo vệ và bảo tồn môi trường biển, cũng như nghiên cứu khoa học biển [20]. Quan trọng hơn, UNCLOS 1982 được đánh giá là một điều ước quốc tế mang tính linh hoạt và bao trùm, do vậy, đã có câu hỏi được đặt ra liệu rằng sự linh hoạt này có thể giải quyết được các vấn đề về biến đổi khí hậu hay không [22]. Như vậy, trong bối cảnh biến đổi khí hậu trở thành thách thức toàn cầu lớn nhất như hiện nay, UNCLOS 1982 đang ngày càng nhận được sự chú ý, đặc biệt là sau khi ITLOS ban hành Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 được.

3. Vận dụng UNCLOS 1982 trong ứng phó biến đổi khí hậu

Như đã trình bày ở phần trên, mặc dù không điều chỉnh trực tiếp vấn đề biến đổi khí hậu, UNCLOS 1982 vẫn thể hiện được vai trò của mình khi cung cấp một khung pháp lý quan trọng trong ứng phó biến đổi khí hậu thông qua các quy định về bảo vệ môi trường biển, nghiên cứu khoa học và giải quyết tranh chấp.

3.1. Bảo vệ môi trường biển

UNCLOS 1982 đã thiết lập một khung pháp lý cho việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển. Mặc dù Công ước này không đề cập trực tiếp đến

thuật ngữ "biến đổi khí hậu", nhưng nhiều quy định của nó có thể áp dụng để ứng phó với vấn đề này, đặc biệt trong bối cảnh bảo vệ môi trường biển. Điều này được thể hiện thông qua nội dung của Ý kiến tư vấn do ITLOS ban hành ngày 21/05/2024 liên quan đến nghĩa vụ của các quốc gia trong việc bảo vệ môi trường biển khỏi tác động của biến đổi khí hậu. Ý kiến tư vấn này được yêu cầu bởi Ủy ban Quốc đảo nhỏ về Biến đổi khí hậu và Luật Quốc tế vào tháng 12/2022. Ý kiến đã làm rõ và nhấn mạnh nhiều khía cạnh quan trọng về các nghĩa vụ nói trên của các quốc gia thành viên UNCLOS 1982 trong bối cảnh biến đổi khí hậu ngày càng nghiêm trọng.

Trước hết là việc xác định nội hàm của ô nhiễm môi trường biển. Theo Ý kiến tư vấn của ITLOS ngày 21/05/2024 [23], "phát thải khí nhà kính (GHG) do con người gây ra vào khí quyển cấu thành ô nhiễm môi trường biển theo Điều 1, khoản 1, tiểu khoản 4 của UNCLOS". Cụ thể, ITLOS nhận định rằng khí nhà kính có ảnh hưởng trực tiếp hoặc gián tiếp đến môi trường biển, khiến đời sống trên biển và môi trường biển chịu nhiều tác động xấu như sự nóng lên của đại dương, mực nước biển dâng và axit hóa đại dương. Theo nhóm tác giả, cách giải thích này đã làm rõ phạm vi áp dụng các quy định của UNCLOS 1982 về bảo vệ môi trường biển khi các quy định này đồng thời được áp dụng cho quản trị khí hậu. Có thể thấy, cách diễn giải này có ý nghĩa quan trọng trong việc áp dụng các quy định của UNCLOS 1982 vào vấn đề biến đổi khí hậu và tác động của nó đối với môi trường biển. Bởi lẽ, UNCLOS 1982 đã đặt ra một nghĩa vụ chung và bao quát cho tất cả các quốc gia trong việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển với quy định tại Điều 192. Từ đó, các quốc gia có nghĩa vụ trong việc xây dựng và thực hiện các chính sách và biện pháp nhằm bảo vệ môi trường biển trước tác động của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, nhóm tác giả nhận thấy, tính khái quát của điều khoản này cũng đặt ra thách thức trong việc xác định phạm vi cụ thể của nghĩa vụ, đặc biệt khi áp dụng vào các vấn đề phức tạp như biến đổi khí hậu. Cụ thể, việc xác định chính xác các hành động và biện pháp mà mỗi quốc gia cần thực hiện để đáp ứng nghĩa vụ này trở nên khó khăn. Điều

này không chỉ gây khó khăn trong việc thực thi nghĩa vụ mà còn có thể dẫn đến những tranh cãi giữa các quốc gia về cách diễn giải và áp dụng Điều 192 trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu.

Một yếu tố không thể thiếu trong việc bảo vệ môi trường biển là những biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu ô nhiễm. Theo đó, Điều 194 của Công ước quy định rằng các quốc gia phải áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ bất kỳ nguồn nào. Điều này bao gồm ô nhiễm từ các nguồn trên đất liền (Điều 207), ô nhiễm do các hoạt động dưới đáy biển (Điều 208), ô nhiễm do các hoạt động trong Vùng (Điều 209), ô nhiễm do nhận chìm (Điều 210), ô nhiễm từ tàu thuyền (Điều 211), và đặc biệt là ô nhiễm từ hoặc qua khí quyển (Điều 212). Theo Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 của ITLOS, "nghĩa vụ theo Điều 194, khoản 1 của UNCLOS là nghĩa vụ cần trọng, yêu cầu các quốc gia nỗ lực hết sức để đạt được mục tiêu ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm biển". Với rủi ro cao về thiệt hại nghiêm trọng và không thể đảo ngược đối với môi trường biển từ phát thải khí nhà kính do con người gây ra, tiêu chuẩn cần trọng phải rất nghiêm ngặt. Khoản 2 Điều 194 áp đặt một nghĩa vụ cụ thể đối với các quốc gia thành viên trong tình huống ô nhiễm xuyên biên giới, yêu cầu các quốc gia này "thực hiện các biện pháp cần thiết để đảm bảo rằng phát thải khí nhà kính dưới quyền tài phán hoặc kiểm soát của họ không gây thiệt hại cho các quốc gia khác và môi trường của họ và rằng ô nhiễm từ những phát thải đó không lan rộng ra ngoài các khu vực mà họ thực hiện quyền chủ quyền" [23]. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, Điều 212 về ô nhiễm từ hoặc qua khí quyển có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Điều khoản này có thể được áp dụng trực tiếp để ứng phó với biến đổi khí hậu, vì khí nhà kính - nguyên nhân chính gây ra biến đổi khí hậu - được phát thải vào khí quyển và ảnh hưởng đến môi trường biển [24]. Như vậy, theo nhóm tác giả, căn cứ theo quy định này, các quốc gia có nghĩa vụ ban hành luật và quy định để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển từ hoặc qua khí quyển. Điều này có thể bao gồm

các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính, góp phần làm chậm quá trình biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường biển.

Liên quan đến việc hợp tác quốc tế trong bảo vệ môi trường biển, UNCLOS 1982 cũng nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hợp tác giữa các quốc gia. Điều 197 của Công ước quy định rằng các quốc gia phải hợp tác trên cơ sở toàn cầu và khu vực, trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức quốc tế có thẩm quyền, trong việc xây dựng các quy tắc, tiêu chuẩn và thực tiễn được khuyến nghị quốc tế phù hợp với Công ước để bảo vệ và gìn giữ môi trường biển. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh biến đổi khí hậu, một vấn đề toàn cầu đòi hỏi sự phối hợp và hành động chung của cộng đồng quốc tế.

Ngoài ra, cơ chế giám sát và đánh giá tác động môi trường cũng được đề cập tới. Cụ thể, Công ước có những quy định tại các Điều 204, 205 và 206 về việc giám sát, báo cáo và đánh giá tác động môi trường trong việc giải quyết ô nhiễm biển từ phát thải khí nhà kính do con người gây ra. Những quy định này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thu thập và chia sẻ thông tin về tác động của biến đổi khí hậu đối với môi trường biển, cũng như việc đánh giá trước các tác động tiềm tàng của các hoạt động mới.

Tóm lại, theo nhóm tác giả, UNCLOS 1982 đã cung cấp một khung pháp lý cho việc bảo vệ môi trường biển trong ứng phó biến đổi khí hậu. Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 của ITLOS đã làm rõ và nhấn mạnh tầm quan trọng của các quy định này, đặc biệt là trong việc giải quyết vấn đề phát thải khí nhà kính và tác động của chúng đối với môi trường biển. Các quy định này không chỉ đặt ra nghĩa vụ cho các quốc gia trong việc bảo vệ, ngăn ngừa và kiểm soát ô nhiễm biển, mà còn thúc đẩy hợp tác quốc tế, hỗ trợ các quốc gia đang phát triển trong việc đối phó với thách thức toàn cầu này.

3.2. Nghiên cứu khoa học và thúc đẩy chuyển giao công nghệ

UNCLOS 1982 đã dành hai phần riêng biệt để quy định các vấn đề về nghiên cứu khoa học biển (Phần XIII), phát triển và chuyển giao kỹ

thuật biển (Phần XIV). Trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay, nhóm tác giả nhận thấy rằng, các quy định này càng trở nên quan trọng khi cung cấp nền tảng pháp lý cho việc tăng cường hiểu biết về tác động của biến đổi khí hậu đối với đại dương và phát triển các giải pháp công nghệ để ứng phó.

Liên quan đến nghiên cứu khoa học biển, phần XIII đã thiết lập các nguyên tắc cơ bản. Điều 238 khẳng định quyền tiến hành nghiên cứu khoa học biển của tất cả các quốc gia và tổ chức quốc tế có thẩm quyền, phù hợp với quyền và nghĩa vụ của các quốc gia khác được quy định trong Công ước. Điều này tạo cơ sở pháp lý cho các nghiên cứu về tác động của biến đổi khí hậu đối với môi trường biển. Theo Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024, ITLOS cũng đã nhấn mạnh vai trò then chốt của nghiên cứu khoa học, đặc biệt trong việc hiểu và giải quyết các tác động của biến đổi khí hậu và axit hóa đại dương đối với môi trường biển. Cụ thể, ITLOS yêu cầu các quốc gia phải sử dụng khoa học tốt nhất hiện có, đặc biệt là các báo cáo của Ủy ban Liên chính phủ về Biến đổi Khí hậu (IPCC), khi xác định các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm biển từ phát thải khí nhà kính do con người gây ra. Đặc biệt, ITLOS nhấn mạnh rằng sự không chắc chắn về mặt khoa học không thể được sử dụng như một lý do để trì hoãn hành động. Trong trường hợp thiếu sự chắc chắn về mặt khoa học về khả năng và mức độ nghiêm trọng của tác hại của một hoạt động đối với môi trường biển, cách tiếp cận phòng ngừa nên được áp dụng. Điều này phản ánh tinh thần của Điều 200 và 201 của UNCLOS 1982, theo đó các quốc gia có nghĩa vụ hợp tác để: (i) Thúc đẩy các nghiên cứu và thực hiện các chương trình nghiên cứu, (ii) Khuyến khích trao đổi thông tin và dữ liệu liên quan đến ô nhiễm biển, (iii) Thiết lập các tiêu chí khoa học thích hợp để xây dựng quy tắc, tiêu chuẩn và thực tiễn được khuyến nghị.

Các vấn đề về phát triển và chuyển giao kỹ thuật biển được quy định trong phần XIV của UNCLOS 1982 cũng đã đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển, trong việc ứng phó với

biến đổi khí hậu. Theo Điều 266, các quốc gia phải hợp tác trực tiếp hoặc thông qua các tổ chức quốc tế có thẩm quyền để tích cực thúc đẩy sự phát triển và chuyển giao khoa học và công nghệ biển theo các điều kiện và điều khoản công bằng và hợp lý. Các mục tiêu cơ bản cho việc phát triển và chuyển giao kỹ thuật biển cũng được quy định trong điều 268 của UNCLOS 1982, bao gồm: thu nhận, đánh giá và phổ biến kiến thức về công nghệ biển; phát triển cơ sở hạ tầng công nghệ thích hợp; phát triển nguồn nhân lực thông qua đào tạo và giáo dục; thúc đẩy hợp tác quốc tế trong mọi hoạt động liên quan đến công nghệ biển. Trong Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024, ITLOS cũng đã đặc biệt nhấn mạnh vai trò của việc phát triển và chuyển giao công nghệ biển trong việc hỗ trợ các quốc gia đang phát triển thực hiện nghĩa vụ bảo vệ môi trường biển. Theo đó, ITLOS công nhận rằng hợp tác quốc tế, hỗ trợ kỹ thuật và kiến thức khoa học tiên tiến, bao gồm cả tài trợ và xây dựng năng lực, có thể nâng cao việc thực hiện các lợi ích của Công ước. ITLOS đặc biệt nhấn mạnh nghĩa vụ của các quốc gia trong việc cung cấp hỗ trợ khoa học và kỹ thuật cho các quốc gia đang phát triển, đặc biệt là những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu. Quan trọng hơn, ITLOS đề xuất một cách tiếp cận theo giai đoạn đối với việc hỗ trợ các quốc gia đang phát triển: (i) Ngắn và trung hạn: Tập trung vào việc cung cấp kiến thức khoa học và công nghệ thông qua việc tham gia vào các chương trình nghiên cứu và xây dựng năng lực quốc tế, (ii) Dài hạn: Hỗ trợ các quốc gia đang phát triển xây dựng các chương trình nghiên cứu và phát triển công nghệ riêng của họ tập trung vào chống ô nhiễm biển. Có thể thấy, cách tiếp cận này đã phản ánh tinh thần của các Điều 275 và 276 của UNCLOS 1982 về việc thành lập và phát triển các trung tâm khoa học và công nghệ biển quốc gia và khu vực.

3.3. Giải quyết tranh chấp

UNCLOS 1982 đã thiết lập một hệ thống giải quyết các tranh chấp liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước, tại Phần XV, bao gồm cả những tranh chấp có thể phát sinh từ các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu.

Trên tinh thần tuân thủ nguyên tắc hòa bình giải quyết các tranh chấp quốc tế, UNCLOS 1982 đã đề xuất nhiều biện pháp hòa bình để các quốc gia tự do lựa chọn. Trong trường hợp các bên không thể đạt được thỏa thuận khi áp dụng các biện pháp hòa bình mang tính chất ngoại giao, một hệ thống các biện pháp giải quyết bằng tài phán quốc tế, theo các thủ tục bắt buộc dẫn đến quyết định ràng buộc đã được UNCLOS 1982 thiết lập tại Điều 287, bao gồm: i) Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS); ii) Tòa án Công lý Quốc tế (ICJ); iii) Tòa trọng tài theo Phụ lục VII; iv) Tòa trọng tài đặc biệt theo Phụ lục VIII.

Trong số các cơ quan tài phán này, ITLOS đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến biến đổi khí hậu. Bởi lẽ, thẩm quyền của ITLOS bao gồm cả những vấn đề liên quan đến bảo vệ và bảo tồn môi trường biển, điều này có liên quan trực tiếp đến các thách thức do biến đổi khí hậu gây ra. Điều 21 của Quy chế ITLOS quy định rằng thẩm quyền của Tòa án bao gồm tất cả các tranh chấp và tất cả các đơn được đệ trình theo quy định của Công ước và tất cả các vấn đề được quy định cụ thể trong bất kỳ thỏa thuận nào khác trao thẩm quyền cho Tòa án.

Một trong những đóng góp quan trọng của ITLOS trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến biến đổi khí hậu là thẩm quyền đưa ra ý kiến tư vấn của Tòa án. Theo Điều 138 của Quy tắc của Tòa án, ITLOS có thể đưa ra ý kiến tư vấn về các vấn đề pháp lý nếu một thỏa thuận quốc tế liên quan đến các mục đích của Công ước cụ thể quy định về việc đệ trình yêu cầu ý kiến tư vấn lên Tòa án. Điều này cho phép ITLOS đóng vai trò quan trọng trong việc làm rõ nghĩa vụ của các quốc gia trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu theo UNCLOS 1982. Ngoài ra, ITLOS cũng có thẩm quyền ra lệnh áp dụng các biện pháp tạm thời theo Điều 290 của UNCLOS 1982. Theo đó, Tòa án có quyền áp dụng các biện pháp tạm thời để ngăn chặn thiệt hại nghiêm trọng đối với môi trường biển, có thể bao gồm cả những tác động do biến đổi khí hậu gây ra, trong khi chờ quyết định cuối cùng.

3.4. Nhận xét

Qua việc phân tích các quy định cụ thể của UNCLOS 1982 liên quan đến biến đổi khí hậu, nhóm tác giả đã rút ra một số nhận xét quan trọng sau:

Thứ nhất, mặc dù UNCLOS 1982 không đề cập trực tiếp đến thuật ngữ "biến đổi khí hậu", Công ước đã thiết lập một khung pháp lý toàn diện có thể áp dụng để ứng phó với vấn đề này. Các quy định về bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, đặc biệt là Điều 192 và 194, tạo nền tảng vững chắc cho các nỗ lực chống biến đổi khí hậu trong bối cảnh biển và đại dương. Điều này cho thấy tính linh hoạt và khả năng thích ứng của UNCLOS 1982 trước những thách thức môi trường mới nổi.

Thứ hai, UNCLOS 1982 nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường biển, như được quy định trong Điều 197. Điều này đặc biệt quan trọng đối với vấn đề biến đổi khí hậu - một thách thức toàn cầu đòi hỏi sự phối hợp và hành động chung của cộng đồng quốc tế. Việc Công ước nhấn mạnh vào hợp tác quốc tế phản ánh nhận thức sâu sắc về tính chất xuyên biên giới của các vấn đề môi trường biển, bao gồm cả biến đổi khí hậu.

Thứ ba, các quy định của UNCLOS 1982 về nghiên cứu khoa học biển và chuyển giao công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc tăng cường năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu, đặc biệt đối với các quốc gia đang phát triển. Phần XIII và XIV của Công ước tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ liên quan đến biến đổi khí hậu. Đáng chú ý là cách tiếp cận theo giai đoạn được ITLOS đề xuất trong Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 về việc hỗ trợ các quốc gia đang phát triển thông qua nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ phản ánh sự cân nhắc thấu đáo về nhu cầu xây dựng năng lực lâu dài. Điều này cho thấy UNCLOS 1982 không chỉ là một công cụ pháp lý để giải quyết các vấn đề môi trường biển mà còn là phương tiện để thu hẹp khoảng cách về công nghệ và kiến thức giữa các quốc gia trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

Thứ tư, cơ chế giải quyết tranh chấp được quy định trong Phần XV của UNCLOS 1982 cung cấp một công cụ quan trọng để giải quyết các bất đồng liên quan đến biến đổi khí hậu. Đặc biệt, vai trò của Tòa án Quốc tế về Luật Biển (ITLOS) trong việc đưa ra các ý kiến tư vấn và ra lệnh áp dụng các biện pháp tạm thời có thể đóng góp đáng kể vào việc làm rõ và thực thi các nghĩa vụ của quốc gia trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu. Thẩm quyền rộng của ITLOS cho phép Tòa xem xét các vấn đề phức tạp liên quan đến biến đổi khí hậu trong bối cảnh luật biển. Ngoài ra, ITLOS đã xác định mặc dù UNCLOS 1982 cung cấp một khung pháp lý quan trọng để ứng phó với biến đổi khí hậu trong bối cảnh biển và đại dương, nhưng Tòa cần được bổ sung bởi các công cụ pháp lý quốc tế khác, đặc biệt là UNFCCC và Hiệp định Paris về biến đổi khí hậu, để tạo ra một cách tiếp cận toàn diện và hiệu quả đối với vấn đề biến đổi khí hậu. Điều này được thể hiện trong Ý kiến tư vấn của ITLOS khi nhấn mạnh điểm này bằng cách tham chiếu đến các mục tiêu và lộ trình được đề ra trong Hiệp định Paris khi xác định các biện pháp cần thiết để ứng phó với biến đổi khí hậu theo UNCLOS 1982.

Tóm lại, UNCLOS 1982 đã cung cấp một khung pháp lý quan trọng cho việc ứng phó với biến đổi khí hậu trong bối cảnh biển và đại dương. Tuy nhiên, hiệu quả của khung pháp lý này sẽ phụ thuộc vào sự cam kết và hành động của các quốc gia trong việc thực hiện các nghĩa vụ của họ, cũng như sự phối hợp giữa UNCLOS 1982 và các công cụ pháp lý quốc tế khác liên quan đến biến đổi khí hậu.

4. Việt Nam và cuộc chiến chống biến đổi khí hậu

4.1. Pháp luật Việt Nam hiện hành về biến đổi khí hậu

Là một trong số những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn bởi biến đổi khí hậu, Việt Nam đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, trong đó nổi bật là Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 về “chủ

động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường” năm 2013. Trong Nghị quyết này, Việt Nam đã khẳng định biến đổi khí hậu là vấn đề toàn cầu, là thách thức nghiêm trọng đối với toàn nhân loại trong thế kỷ 21 và việc ứng phó với biến đổi khí hậu phải được đặt trong mối quan hệ toàn cầu [25]. Đặc biệt, ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ là thách thức mà còn tạo cơ hội thúc đẩy chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng phát triển bền vững [25]. Để đạt được mục tiêu này, các giải pháp chủ yếu đã được đề xuất, trong đó có tăng cường quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, bằng việc chú trọng xây dựng và hoàn thiện pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu [25].

Tiếp thu tinh thần chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, kể từ khi Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 7 ra đời, Quốc hội đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu, trong đó nổi bật là Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Các quy định về ứng phó biến đổi khí hậu được cụ thể hóa tại Chương VII của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Các quy định này được đánh giá là một trong những điểm mới của Luật này [26], tạo bước tiến lớn trong công tác bảo vệ môi trường ở nước ta [27]. Theo đó, trên cơ sở khái niệm “ứng phó biến đổi khí hậu” được đề cập tại Điều 3 của Luật, các quy định tại Chương VII, cụ thể Điều 90, 91 và 92 đã trình bày một số khía cạnh chính của vấn đề ứng phó biến đổi khí hậu, bao gồm i) thích ứng với biến đổi khí hậu, ii) giảm nhẹ khí phát thải nhà kính, iii) bảo vệ tầng ozone. Theo nhóm tác giả, vì khí hậu là hiện tượng khí tượng mang bản chất tự nhiên nên công tác ứng phó với biến đổi khí hậu không thể thiếu các hoạt động nhằm tăng cường khả năng chống chịu của hệ thống tự nhiên. Đây cũng chính là mục tiêu của các biện pháp thích ứng với biến đổi khí hậu, tận dụng cơ hội do biến đổi khí hậu mang lại. Trong khi đó, giảm nhẹ khí phát thải nhà kính là yêu cầu cần thiết để xử lý các tác động do các hoạt động của con người gây ra cho môi trường, từ đó giảm áp lực lên môi trường. Có thể thấy, biến đổi khí hậu xuất phát từ cả nguyên nhân tự nhiên và nhân tạo, do vậy

công tác ứng phó với biến đổi khí hậu cần được xác định và triển khai thực hiện để khắc phục cả hai nguyên nhân này. Đặc biệt, để thực hiện tốt điều này, Luật Bảo vệ môi trường 2020 xác định rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ tầng ozone cũng như phát triển thị trường carbon. Trong khi tầng ozone đóng vai trò quan trọng trong việc duy trì tính ổn định và sự ôn hòa của khí hậu - đảm bảo thích ứng với biến đổi khí hậu, phát triển thị trường carbon được coi là công cụ góp phần giảm nhẹ phát thải khí nhà kính. Như vậy, theo nhóm nghiên cứu, các quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020 về cơ bản đã xác định được rõ những vấn đề căn bản trong công tác ứng phó biến đổi khí hậu, đồng thời chỉ ra các nội dung cần thực hiện trong từng vấn đề căn bản này.

Bên cạnh Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, một số luật khác có liên quan đến ứng phó với biến đổi khí hậu như Luật Đầu tư 2020, Luật Đa dạng sinh học 2018, Luật Phòng, chống thiên tai 2013, Luật Biển 2012. Những luật này, về cơ bản, điều chỉnh các lĩnh vực có mối liên hệ với biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu. Ví dụ, biến đổi khí hậu tác động mạnh mẽ đến các hệ sinh thái, làm suy thoái đa dạng sinh học [28]; tuy nhiên, nếu thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học thì các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu sẽ bị đẩy lùi đáng kể [28]. Nói cách khác, bảo tồn đa dạng sinh học là giải pháp phòng chống biến đổi khí hậu. Tương tự như vậy, nhóm ngành thuộc danh mục ưu đãi đầu tư được quy định trong Luật Đầu tư 2020 cũng có mối liên hệ với biến đổi khí hậu. Cụ thể, sản xuất năng lượng sạch, năng lượng mới và năng lượng tái tạo thuộc nhóm ngành nghề ưu đãi đầu tư, trong khi đó, việc chuyển đổi từ năng lượng truyền thống sang các nguồn năng lượng này là một biện pháp không thể thiếu trong cuộc chiến chống lại biến đổi khí hậu [29].

Đặc biệt, trước sự ra đời của Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 - ý kiến tư vấn lịch sử về nghĩa vụ của các quốc gia thành viên UNCLOS 1982 liên quan đến bảo vệ môi trường biển khỏi tác động của biến đổi khí hậu, Luật Biển 2012 - văn bản quy phạm pháp luật nội luật hóa các quy định của UNCLOS 1982, sẽ được nhóm tác giả tập

trung phân tích ở phần tiếp theo, nhằm đánh giá mức độ tương thích của Công ước này và văn bản quy phạm pháp luật nội luật hóa Công ước này của Việt Nam.

4.2. Sự tương thích giữa UNCLOS 1982 và Luật biển 2012 trong ứng phó biến đổi khí hậu

Qua nghiên cứu, nhóm tác giả thấy rằng các quy định có liên quan đến biến đổi khí hậu trong Luật Biển 2012, về cơ bản, có sự tương thích ở mức độ nhất định với các quy định tương ứng trong UNCLOS 1982. Cụ thể:

Thứ nhất, về bảo vệ môi trường biển, UNCLOS 1982 đặt ra nghĩa vụ chung và bao quát cho tất cả các quốc gia trong việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển (Điều 192), cũng như quy định các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu và kiểm soát ô nhiễm môi trường biển (Điều 194). Tiếp thu tinh thần này, Luật Biển 2012 đã thiết lập các biện pháp cụ thể để bảo vệ môi trường biển, bao gồm: yêu cầu sử dụng thiết bị và biện pháp chuyên dụng khi vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa có khả năng gây hại (Điều 35 khoản 2); nghiêm cấm việc thải, nhận chìm hay chôn lấp các loại chất thải công nghiệp, chất thải hạt nhân hoặc các chất thải độc hại khác trong vùng biển Việt Nam (Điều 35 khoản 3); quy định rõ trách nhiệm bồi thường và khôi phục môi trường nếu gây thiệt hại (Điều 35 khoản 4). Trước đó, tại Điều 4 Khoản 2 của Luật, việc bảo vệ tài nguyên và môi trường biển đã được nhấn mạnh đây là trách nhiệm của tất cả các chủ thể, từ cơ quan, tổ chức đến mọi công dân Việt Nam. Tuy nhiên, theo nhóm tác giả, Luật Biển 2012 vẫn còn một số hạn chế trong việc quy định về bảo vệ môi trường biển. Đáng chú ý nhất là Luật chưa có quy định cụ thể về ô nhiễm từ hoặc qua khí quyển - một vấn đề được UNCLOS 1982 đề cập tại Điều 212 và có liên quan trực tiếp đến biến đổi khí hậu. Ngoài ra, trong khi UNCLOS 1982 dành toàn bộ Phần XII để quy định chi tiết về việc bảo vệ và gìn giữ môi trường biển, bao gồm cả các biện pháp giám sát và đánh giá môi trường, Luật Biển 2012 chưa có những quy định tương ứng về cơ chế giám sát và đánh giá tác động môi trường trong các hoạt động biển. Điều này có thể ảnh

hưởng đến hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường biển trong thực tiễn.

Thứ hai, về nghiên cứu khoa học biển, UNCLOS 1982 dành toàn bộ Phần XIII để quy định chi tiết về quyền tiến hành nghiên cứu khoa học biển của các quốc gia (Điều 238) và nghĩa vụ hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này (Điều 242, 243). Tương ứng với các quy định này, Luật Biển 2012 quy định về thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ biển tại Điều 5, 6 và 36. Tuy nhiên, theo nhóm tác giả, việc nội luật hóa các quy định này trong Luật Biển 2012 còn một số hạn chế đáng kể. Cụ thể, Điều 36 của Luật Biển 2012 chỉ quy định chung chung về nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam và tập trung vào việc quản lý hoạt động nghiên cứu của tổ chức, cá nhân nước ngoài. Thêm vào đó, Luật chưa có định nghĩa rõ ràng về "nghiên cứu khoa học biển", không quy định cụ thể về dấu hiệu nhận dạng các thiết bị hay dụng cụ thực hiện nghiên cứu và phương tiện báo hiệu thích hợp như UNCLOS 1982 yêu cầu. Có thể thấy, các quy định hiện hành trong Luật Biển 2012 chủ yếu tập trung vào khía cạnh thủ tục hành chính như cấp phép và giám sát. Ngoài ra, mặc dù UNCLOS 1982 nhấn mạnh tầm quan trọng của hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học biển, Luật Biển 2012 chưa có quy định chi tiết về việc thúc đẩy hợp tác này. Các quy định về tham gia, ký kết các điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế về hợp tác nghiên cứu khoa học biển còn hạn chế, chưa tương xứng với vai trò quan trọng của hoạt động này trong chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển của Việt Nam.

Thứ ba, về giải quyết tranh chấp, UNCLOS 1982 đã nhấn mạnh việc giải quyết tranh chấp phải dựa trên các biện pháp hòa bình, đồng thời thiết lập một hệ thống toàn diện về giải quyết tranh chấp tại Phần XV với nhiều cơ chế khác nhau, trong đó bao gồm cả các cơ chế giải quyết tranh chấp mang tính chất tài phán. Tiếp thu tinh thần này, Luật Biển 2012, điều 4.3 đã khẳng định rằng Việt Nam giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng biện pháp hòa bình, phù hợp với UNCLOS 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế. Có thể thấy, mặc dù Luật Biển 2012 không liệt kê các biện pháp

hòa bình giải quyết tranh chấp cụ thể như trong UNCLOS 1982, nhưng việc khẳng định rằng Việt Nam sẽ hợp tác, thiện chí giải quyết mọi tranh chấp trên cơ sở phù hợp và tuân thủ UNCLOS 1982 đã cho thấy sự tương thích khá rõ ràng giữa UNCLOS 1982 và Luật Biển 2012 về các quy định trong vấn đề giải quyết tranh chấp.

Thứ tư, về nghĩa vụ ngăn ngừa ô nhiễm từ khí quyển. Như Ý kiến tư vấn ngày 21/05/2024 của ITLOS đã làm rõ, phát thải khí nhà kính do con người gây ra cấu thành ô nhiễm môi trường biển. Cách diễn giải này đã kích hoạt nghĩa vụ ngăn ngừa, hạn chế và chế ngự ô nhiễm có nguồn gốc từ bầu khí quyển hoặc qua khí quyển (Điều 212) và nghĩa vụ cẩn trọng nghiêm ngặt (Điều 194). Qua nghiên cứu, nhóm tác giả nhận thấy, Luật Biển 2012 chưa có quy định cụ thể về nguồn ô nhiễm này, tuy nhiên nguồn ô nhiễm này lại được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020. Theo đó, Chương VII của Luật đã quy định chi tiết về "Giảm nhẹ phát thải khí nhà kính" (Điều 91), bao gồm việc kiểm kê và thiết lập mục tiêu giảm phát thải. Đặc biệt, việc Luật thúc đẩy "phát triển thị trường carbon trong nước" chính là một công cụ pháp lý và kinh tế cụ thể nhằm thực hiện nghĩa vụ giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Điều này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của UNCLOS 1982.

Thứ năm, về nghĩa vụ bảo tồn hệ sinh thái biển, UNCLOS 1982, tại Điều 192 về nghĩa vụ "bảo vệ và giữ gìn môi trường biển", đã giải thích phạm vi các nghĩa vụ của các quốc gia thành viên, không giới hạn ở phòng chống ô nhiễm môi trường biển. Nó còn bao gồm một nghĩa vụ tích cực trong việc bảo tồn, được cụ thể hóa tại Điều 194, khoản 5, yêu cầu các quốc gia thực hiện các biện pháp cần thiết để "bảo vệ và gìn giữ các hệ thống sinh thái hiếm hoi hay mỏng manh cũng như điều kiện cư trú của các loài và các sinh vật biển khác đang thoái hóa, có nguy cơ hay đang bị hủy diệt.". Luật Biển 2012 không đề cập đến nghĩa vụ này. Tuy nhiên, với nhận thức rằng việc thực hiện tốt công tác bảo tồn đa dạng sinh học sẽ đẩy lùi đáng kể các tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, Luật Đa dạng sinh học 2008 của Việt Nam sẽ là văn bản đóng vai

trò quan trọng trong việc thực thi nghĩa vụ nói trên tại Điều 192 và Điều 194 của Công ước. Thông qua các biện pháp như i) bảo tồn và phát triển bền vững các hệ sinh thái tự nhiên (bao gồm các hệ sinh thái biển quan trọng như rạn san hô, thảm cỏ biển, rừng ngập mặn); ii) thành lập và quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên (trong đó có các khu bảo tồn biển); iii) bảo vệ các loài nguy cấp, quý, hiếm (bao gồm các loài sinh vật biển), Luật này giúp tăng cường khả năng chống chịu của môi trường biển trước các cú sốc của khí hậu như axit hóa đại dương, nhiệt độ nước biển tăng và duy trì khả năng hấp thụ carbon của đại dương, giúp Việt Nam thực hiện tốt hơn công tác ứng phó biến đổi khí hậu từ góc độ luật biển.

Như vậy, qua phân tích, nhóm tác giả một lần nữa khẳng định rằng, đã có sự tương thích nhất định giữa các quy định của UNCLOS 1982 và Luật Biển 2012 trong việc ứng phó biến đổi khí hậu. Bên cạnh đó, có một số nội dung chưa được điều chỉnh theo tinh thần của UNCLOS 1982, hay được quy định tại một số văn bản quy phạm pháp luật có liên quan khác, như đã trình bày ở trên. Mặc dù vậy, sự tương thích nhất định này đã phần nào cho thấy vai trò không thể phủ nhận của UNCLOS 1982 trong công cuộc ứng phó với biến đổi khí hậu, đồng thời là cơ sở để Việt Nam tiếp tục hoàn thiện các quy định pháp luật về biển hiện hành trên tinh thần tuân thủ nghĩa vụ *pacta sunt servanda* khi là thành viên của Công ước.

5. Kết luận

Qua những phân tích và đánh giá ở trên, nhóm tác giả thấy rằng mặc dù UNCLOS 1982 - bản Hiến pháp của đại dương - không có những tham chiếu rõ ràng đến biến đổi khí hậu, nhưng tầm quan trọng và vai trò của UNCLOS 1982 trong ứng phó với biến đổi khí hậu là không thể phủ nhận. Tại thời điểm UNCLOS 1982 được thảo luận, biến đổi khí hậu chưa nổi lên như một thách thức toàn cầu như hiện nay, tuy nhiên, thực tiễn hơn 40 năm qua kể từ khi UNCLOS 1982 được kí chính thức và hơn 30 năm kể từ khi UNCLOS 1982 có hiệu lực đã chứng minh được rằng UNCLOS 1982 vẫn đã và đang thích ứng

được với nhiều thay đổi của thế giới và những thử thách phát sinh. Mặc dù vậy, cũng cần hiểu rằng, UNCLOS 1982 không thể cung cấp mọi câu trả lời cho tất cả các vấn đề phát sinh, thay vào đó, nó chỉ có thể đóng vai trò như một cơ sở pháp lý khung trong giải quyết các thách thức hiện nay. Việc phối hợp giữa UNCLOS 1982 và các công cụ pháp lý quốc tế khác có liên quan là cần thiết.

Việt Nam, với tư cách là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều nhất bởi biến đổi khí hậu trong những năm vừa qua, đã chứng minh những nỗ lực của mình trong việc ứng phó với biến đổi khí hậu qua nhiều hình thức, trong đó có việc nội luật hóa thực thi các quy định có liên quan trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu vẫn đang là thách thức toàn cầu lớn nhất, để chủ động trong ứng phó với vấn đề này, Việt Nam cần chủ động hoàn thiện các quy định điều chỉnh các khía cạnh cơ bản của biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu. Theo đó, Việt Nam có thể lựa chọn một trong hai phương án: i) ban hành một luật riêng về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu; hoặc ii) sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan đến biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đối với phương án i), trước thực trạng các quy định có liên quan đến biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu không chỉ tập trung ở Chương VII của Luật Bảo vệ môi trường 2020 mà còn ở một số luật khác, trong đó có Luật Biển 2012 với những điều khoản khá quan trọng, việc xây dựng một luật riêng về biến đổi khí hậu là cần thiết và phù hợp. Phương án này trong một vài năm gần đây nhận được nhiều sự quan tâm thảo luận, ủng hộ bởi các chuyên gia, các nhà nghiên cứu và cả những cá nhân làm trong cơ quan nhà nước trực tiếp có liên quan đến ứng phó biến đổi khí hậu như Cục Biến đổi khí hậu và Khí tượng Thủy văn [30]. Đối với phương án ii), như đã trình bày và phân tích ở trên, mặc dù đã có sự tương thích ở mức độ nhất định giữa quy định của UNCLOS 1982 và Luật Biển 2012, nhưng vẫn còn tồn tại những khác biệt nhất định. Do vậy, trong bối cảnh một luật chuyên ngành về biến đổi khí hậu và ứng phó với biến đổi khí hậu chưa được ban

hành, việc chủ động rà soát và sửa đổi các quy định pháp luật chưa phù hợp là cần thiết. Điều này giúp Việt Nam chủ động hơn nữa trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, thực thi các nghĩa vụ quốc tế trong bối cảnh Việt Nam là thành viên của nhiều điều ước quốc tế có liên quan đến vấn đề này.

Tài liệu tham khảo

- [1] Báo Tin tức, Đại sứ Đặng Hoàng Giang: UNCLOS có ý nghĩa rất lớn đối với môi trường hòa bình, ổn định, phát triển lâu dài của Việt Nam. <https://baotintuc.vn/thoi-su/dai-su-dang-hoang-giang-unclos-co-y-nghia-rat-lon-doi-voi-moi-truong-hoa-binh-on-dinh-phat-trien-lau-dai-cua-viet-nam-20221209171209471.htm>, (accessed on: October 29th, 2024).
- [2] Yên Bái Portal, Khẳng định vai trò vô cùng quan trọng của UNCLOS 1982 - bản hiến pháp của biển và đại dương. <https://yenbai.gov.vn/bien-dao/noidung/tintuc/Pages/chi-tiet-tintuc.aspx?ItemID=916&l=TinHoatDong>, 2023 (accessed on: October 29th, 2024).
- [3] Tạp chí Tài chính, Biến đổi khí hậu - Thách thức lớn nhất cho phát triển bền vững. <https://tapchitaichinh.vn/bien-doi-khi-hau-thach-thuc-lon-nhat-cho-phat-trien-ben-vung.html>, 2024 (accessed on: October 29th, 2024).
- [4] K. Siig, B. Feldtmann, F. M. W. Billing, *The United Nations Convention on the Law of the Sea - A System of Regulation*, Routledge, New York, 2024, pp. VIII.
- [5] Tạp chí Cộng sản, Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển năm 1982: Bốn mươi năm vì hòa bình, phát triển bền vững biển và đại dương. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quo-c-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/826103/cong-uoc-cua-lien-hop-quoc-ve-luat-bien-nam-1982--bon-muoi-nam-vi-hoa-binh%2C-phat-trien-ben-vung-bien-va-dai-duong.aspx>, 2022 (accessed on: October 29th, 2024).
- [6] Curtis, *The United Nations Convention on the Law of the Sea (UNCLOS)*. <https://www.curtis.com/glossary/public-international-law/unclos> (accessed on: October 29th, 2024).
- [7] J. Gamble, M. Frankowska, *The 1982 Convention and Customary Law of the Sea: Observations, a Framework, and a Warning*, San Diego Law Review. 21(3) (1984), pp. 491 - 511. <https://digital.sandiego.edu/sdlr/vol21/iss3/2/>.
- [8] M. L. Lee, *The Interrelation between the Law of the Sea Convention and Customary International Law*, San Diego International Law Journal. 7 (2006) pp. 405 - 420. <https://digital.sandiego.edu/ilj/vol7/iss2/7/>.
- [9] Nhandan, UNCLOS: Hiến pháp của đại dương. <https://special.nhandan.vn/UNCLOS/index.html>, 2022, (accessed on: October 29th, 2024).
- [10] Báo Tin tức, 40 năm UNCLOS 1982: Cơ chế hữu hiệu để giải quyết hòa bình ác tranh chấp trên biển. <https://baotintuc.vn/thoi-su/40-nam-unclos-1982-co-che-huu-hieu-de-giai-quyet-hoa-binh-cac-tranh-chap-tren-bien-20221211134526739.htm>, 2022 (accessed on: October 29th, 2024).
- [11] A. Østhagen, *Troubled seas? The changing politics of maritime boundary disputes*, Ocean & Coastal Management. 205 (2021), pp. 1 - 11. <https://doi.org/10.1016/j.ocecoaman.2021.105535>.
- [12] M. Triatmodjo, A. Merdekawati, I. A. T. Hasibuan, *The Recent Development Challenges of Implementing UNCLOS 1982's Common Heritage of Mankind*, Mimbar Hukum Journal. 34 (1) (2022) 1-31. <https://doi.org/10.22146/mh.v34i1.4000>.
- [13] T. Nguyen, *The Challenges of Dark Ships to the Safety and Security of Commercial Shipping and the Way Forward*, Asia-Pacific Journal of Ocean Law and Policy. 8 (2) (2023) 310-328. <https://doi.org/10.1163/24519391-08020007>.
- [14] J. Symonides, *Unresolved Issues and Emerging Challenges in the Law of the Sea*, Maritime Law, 34 (2018) pp. 7 - 26. <https://doi.org/10.24425/pm.2018.125828>.
- [15] Báo Chính phủ, Thủ tướng: Biến đổi khí hậu tiếp tục là thách thức toàn cầu lớn nhất. <https://baochinhphu.vn/thu-tuong-bien-doi-khi-hau-tiep-tuc-la-thach-thuc-toan-cau-lon-nhat-102230920233706629.htm>, 2023 (accessed on: October 29th, 2024).
- [16] Tài nguyên và môi trường, Thế giới “quay cuồng” trong khủng hoảng biến đổi khí hậu. <https://tainguyenvamoi.vn/the-gioi-%E2%80%9Cquay-cuong%E2%80%9D-trong-khung-hoang-bien-doi-khi-hau-cid110581.html>, 2023 (accessed on: October 29th, 2024).
- [17] Tạp chí Cộng sản, Việt Nam ứng phó với biến đổi khí hậu: Nỗ lực vì mục tiêu chung của cộng đồng quốc tế. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quo-c-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/825456/viet-nam-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau--no-luc-vi-muc-tieu-chung-cua-cong-dong-quoc-te.aspx>, 2022 (accessed on: October 29th, 2024).

- [18] Tạp chí Cộng sản, Biến đổi khí hậu từ góc nhìn đối ngoại và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/quo-c-phong-an-ninh-oi-ngoai1/-/2018/829010/bien-doi-khi-hau-tu-goc-nhin-doi-ngoai-va-mot-so-van-de-dat-ra-doi-voi-viet-nam.aspx>, 2023 (accessed on: October 29th, 2024).
- [19] Tạp chí môi trường, Việt Nam quyết tâm cùng cộng đồng quốc tế nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu. <https://tapchimoitruong.vn/chuyen-muc-3/viet-nam-quyet-tam-cung-cong-dong-quoc-te-no-luc-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-29659>, 2024 (accessed on: October 29th, 2024).
- [20] B. Guilloux, R. Schumm, Which International Law for Ocean and Climate?, *Ocean & Climate Platform Scientific Notes*. 2 (2016) pp. 80 - 81. https://www.ocean-climate.org/wp-content/uploads/2017/03/international-law-161024_ScientificNotes_Oct2016_BD_ppp-14.pdf.
- [21] M. McCreath, The Potential for UNCLOS Climate Change Litigation to Achieve Effective Mitigation Outcomes, in: Lin J., Kysar D.A. (Eds.), *Climate Change Litigation in the Asia Pacific*, Cambridge University Press, 2020, pp. 120.
- [22] B. Klerk, Climate Change Obligations under the Law of the Sea: Interpreting UNCLOS in light of the Paris Agreement, *Luận văn Thạc sĩ, Khoa Luật - Đại học Oslo*. 2021, pp. 26. <https://www.duo.uio.no/bitstream/handle/10852/92200/1/PILTHESIS-Candidate-8006.pdf>.
- [23] International Tribunal for the Law of the Sea (2024), *Advisory Opinion of 21 May 2024*.
- [24] C. Redgwell, UNCLOS and Climate Change. *Proceedings of the Annual Meeting (American Society of International Law)*. 106 (2012), pp. 406-409. <https://doi.org/10.5305/procanmeetasil.106.0406>.
- [25] Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường, Phần II.1, Phần IV.3.
- [26] Cổng thông tin điện tử Thanh tra Bộ Tài chính, Những điểm mới của Luật Bảo vệ môi trường 2020. https://mof.gov.vn/webcenter/portal/thanhtrabtc/pages_r/1/chi-tiet-tin-thanh-tra-btc?dDocName=MOFUCM196681, 2021 (accessed on: October 29th, 2024).
- [27] Tạp chí Cộng sản, Luật Bảo vệ môi trường (sửa đổi) năm 2020 tạo bước tiến lớn trong công tác bảo vệ môi trường ở nước ta. <https://www.tapchicongsan.org.vn/web/guest/bao-ve-moi-truong/-/2018/826011/luat-bao-ve-moi-truong-%28sua-doi%29-nam-2020-tao-buoc-tien-lon-trong-cong-tac-bao-ve-moi-truong-o%2%A0nuoc-ta.aspx>, 2022 (accessed on: October 29th, 2024).
- [28] Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bảo tồn đa dạng sinh học là giải pháp thích ứng biến đổi khí hậu. <https://stnmt.hanam.gov.vn/Pages/bao-ton-da-dang-sinh-hoc-la-giai-phap-thich-ung-bien-doi-khi-hau.aspx>, 2022, (accessed on: October 29th, 2024).
- [29] Cổng thông tin điện tử Cục Thông tin, Thống kê, Chuyển đổi sang năng lượng sạch và ứng phó với biến đổi khí hậu. <https://www.vista.gov.vn/vi/news/khoa-hoc-ky-thuat-va-cong-nghe/chuyen-doi-sang-nang-luong-sach-va-ung-pho-voi-bien-doi-khi-hau-8524.html>, 2024 (accessed on: October 29th, 2024).
- [30] Cổng thông tin điện tử Quốc hội Việt Nam, Đề xuất nghiên cứu xây dựng Luật Biến đổi khí hậu. <https://quochoi.vn/tintuc/Pages/tin-hoat-dong-cua-quoc-hoi.aspx?ItemID=71509>, 2022 (accessed on: October 29th, 2024).